ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

# BẢNG GHI ĐIỂM Thi

**Học kỳ** 2 **Năm học** 11-12

MÔN HỌC ĐAMH1: chi tiết máy — Mã MH 209001
Số tín chỉ 1 — Nhóm - tổ A04 -
Ngày thi / / Phòng thi — Tiết thi
CBGD chính Chờ phân công CBGD — Mã số CB 0.9916

Tỉ lệ đánh giá: 100%

Ngày nộp điểm:

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN | | Đề số | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 20800049 | Nguyễn Hoàng | Anh | | | 6,5 | sáu rưỡi | |
| 2 | 20900081 | Nguyễn Xuân | Anh | | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 3 | 20900087 | Trần Bảo | Anh | | | 7 | bảy | |
| 4 | 20900094 | Trần Tuấn | Anh | | | 2 | hai | |
| 5 | 20900248 | Lê Duy | Chí | | | 5,5 | năm rưỡi | |
| 6 | 20900281 | Võ Huỳnh | Công | | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 7 | 20900292 | Đoàn Mạnh | Cường | | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 8 | 20900307 | Nguyễn Hữu | Cường | | | 2 | hai | |
| 9 | 20900701 | Lê Hoàng | Hà | | | 2 | hai | |
| 10 | 20900858 | Ta Đình Thế | Hiến | | | 2 | hai | |
| 11 | 20901035 | Phan Thanh | Huy | | | 2 | hai | |
| 12 | 20901106 | Nguyễn Hồng | Hưng | | | 7 | bảy | |
| 13 | G0804341 | Mai Bảo | Long | | | 2 | hai | |
| 14 | 20901827 | Võ Phước | Nhẫn | | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 15 | 20902357 | Trần Bảo | Tâm | | | 8,5 | tám rưỡi | |
| 16 | G0801914 | Thái Thanh | Tân | | | 8,5 | tám rưỡi | |
| 17 | 20801996 | Trần Văn | Thành | | | 2 | hai | |
| 18 | 20902489 | Trương Vĩnh | Thành | | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 19 | G0802282 | Mai Đắc Vương | Tôn | | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 20 | 20802483 | Nguyễn Tiến | Tuấn | | | 9 | chín | |
| 21 | 20903358 | Nguyễn Văn | Vũ | | | 7,5 | bảy rưỡi | |

Danh sách này có 21 sv. Ngày in 29/05/12

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 03/06/12

***Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau***

Tp.HCM, *ngày* 5 *tháng* 6 *năm* 20

Xác nhận BM/Khoa

PGS.TS. Phạm Huy Hoàng

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CB Chấm: Nguyễn Văn Mai

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

ẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

# BẢNG GHI ĐIỂM

Thi **Học kỳ** 2 **Năm học** 11-12

MÔN HỌC ĐAMH1: chi tiết máy — Mã MH 209001
Số tín chỉ 1 — Nhóm - tổ A07 -
Ngày thi / / Phòng thi — Tiết thi
CBGD chính Chờ phân công CBGD — Mã số CB 0.9916

Tỉ lệ đánh giá: 100%

Ngày nộp điểm:

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN | | Đề số | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 20900055 | Lê Minh Tuấn | Anh | | | 5,5 | Năm rưỡi | |
| 2 | 20900195 | Lâm Tân | Bổn | | | 7,5 | Bảy rưỡi | |
| 3 | 20900284 | Trịnh Xuân | Cung | | | 5,5 | Năm rưỡi | |
| 4 | 20900445 | Nguyễn Hoàng | Dũng | | | 7,5 | Bảy rưỡi | |
| 5 | 20900375 | Hoàng Ngọc | Duy | | | 04 | Bốn | |
| 6 | 20900398 | Nguyễn Anh | Duy | | | 7,5 | Bảy rưỡi | |
| 7 | 20800373 | Nguyễn Duy | Dương | | | 01 | Một | |
| 8 | 20900744 | Trần Thanh | Hải | | | 1,5 | Một rưỡi | |
| 9 | 20900879 | Trương Minh | Hiệp | | | 01 | Một | |
| 10 | 20900940 | Trần Ngọc | Hoàng | | | 5,5 | Năm rưỡi | |
| 11 | 20900996 | Hoàng Quốc | Huy | | | 4,5 | Bốn rưỡi | |
| 12 | 20901100 | Lã Mạnh | Hưng | | | 01 | Một | |
| 13 | 20804281 | Trần Ngọc | Hưng | | | 01 | Một | |
| 14 | 20901186 | Nguyễn Văn | Khánh | | | 9,5 | Chín rưỡi | |
| 15 | G0804335 | Võ Duy | Linh | | | 01 | Một | |
| 16 | 20901440 | Trịnh Hoàng | Long | | | 8 | Tám | |
| 17 | 20901481 | Huỳnh Thanh | Luân | | | 6,5 | Sáu rưỡi | |
| 18 | 20801291 | Lê Xuân | Mừng | | | 0,5 | Nửa điểm | |
| 19 | 20801455 | Trần Trọng | Nhân | | | 0,5 | Nửa điểm | |
| 20 | 20901855 | Lương Văn | Nhơn | | | 9,5 | Chín rưỡi | |
| 21 | 20902096 | Lê Cảnh Nhật | Quang | | | 01 | Một | |
| 22 | 20801688 | Võ Trần | Quang | | | 13 | Vắng | |
| 23 | 20902363 | Đặng Đình | Tân | | | 7,5 | Bảy rưỡi | |
| 24 | 20902833 | Phạm Trọng | Toàn | | | 01 | Một | |
| 25 | 20902843 | Phạm Khương | Toản | | | 01 | Một | |
| 26 | 20902848 | Nguyễn Văn | Tòng | | | 7 | Bảy | |
| 27 | 20802374 | Hà Minh | Trung | | | 5,5 | Năm rưỡi | |
| 28 | 20903126 | Trần Anh | Tuấn | | | 5,5 | Năm rưỡi | |
| 29 | 20903139 | Vũ | Tuấn | | | 0,5 | Nửa điểm | |
| 30 | 20903312 | Trần Thế | Vinh | | | 01 | Một | |
| | | Xem tiếp trang 2 | | | | | | |

***Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau***

Tp.HCM, *ngày* 05 *tháng* 6 *năm* 2012

Xác nhận BM/Khoa

TS. Phạm Huy Hoàng

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CB Chấm:

TS. Phạm Huy Hoàng

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

# BẢNG GHI ĐIỂM

Thi **Học kỳ** 2 **Năm học** 11-12

MÔN HỌC ĐAMH1: chi tiết máy — **Mã MH** 209001
Số tín chỉ 1 — **Nhóm - tổ** A07 -
Ngày thi / / Phòng thi — **Tiết thi**
CBGD chính Chờ phân công CBGD — **Mã số CB** 0.9916

Tỉ lệ đánh giá: 100%

Ngày nộp điểm:

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN | Đề số | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 31 | 20903343 | Lê Hoàng Vũ | | | 6,5 | Sáu rưỡi | |
| 32 | 20903372 | Trần Phi Vũ | | | 3,5 | Ba rưỡi | |
| 33 | 20903466 | Phạm Hàn Vy | | | 8,5 | Tám rưỡi | |
| 34 | 20903422 | Nguyễn Huỳnh Dương ý | | | 01 | Một | |

Danh sách này có 34 sv. Ngày in 29/05/12

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 03/06/12

***Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau***

Tp.HCM, *ngày* 05 *tháng* 6 *năm* 2012

Xác nhận BM/Khoa

TS. Phạm Huy Hoàng

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CB Chấm:

TS. Phạm Huy Hoàng

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

# BẢNG GHI ĐIỂM Thi

**Học kỳ** 2 **Năm học** 11-12

MÔN HỌC ĐAMH1: chi tiết máy — Mã MH 209001
Số tín chỉ 1 — Nhóm - tổ A08 -
Ngày thi / / Phòng thi — Tiết thi
CBGD chính Chờ phân công CBGD — Mã số CB N.309

Tỉ lệ đánh giá: 100%

Ngày nộp điểm:

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN | | Đề số | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 20903459 | Nguyễn Trường | Giang | | | 2 | hai | |
| 2 | 20900814 | Nguyễn Minh | Hiếu | | | 8 | tám | |
| 3 | 21007718 | Triệu Thanh | Hùng | | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 4 | 20901172 | Hồ Duy | Khánh | | | 2 | hai | |
| 5 | 20901226 | Hồ Đăng | Khoa | | | 2 | hai | |
| 6 | 20901300 | Nguyễn Ngọc Trung | Kiên | | | 2 | hai | |
| 7 | 20601362 | Trương Thanh | Long | | | 2 | hai | |
| 8 | 20901522 | Nguyễn Văn | Lý | | | 2 | hai | |
| 9 | 20901545 | Dương Văn | Minh | | | 8,5 | tám rưỡi | |
| 10 | 20901679 | Bùi Thanh | Nghi | | | 2 | hai | |
| 11 | 20901961 | Nguyễn Minh | Phố | | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 12 | 20901976 | Nguyễn Quang | Phú | | | 2 | hai | |
| 13 | 20902067 | Nguyễn Duy | Phước | | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 14 | 20902099 | Ngô Văn | Quang | | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 15 | 20902149 | Trần Dương Hồng | Quân | | | 7 | bảy | |
| 16 | 20902290 | Phạm Thanh | Sơn | | | 7 | bảy | |
| 17 | 20902386 | Thái Minh | Tân | | | 2 | hai | |
| 18 | 20902834 | Phạm Trường | Toàn | | | 2 | hai | |
| 19 | 20902906 | Nguyễn Thanh | Triều | | | 2 | hai | |
| 20 | 20903242 | Nguyễn Công | Văn | | | 9 | chín | |

Danh sách này có 20 sv. Ngày in 29/05/12

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 03/06/12

***Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau***

Tp.HCM, *ngày* 5 *tháng* 6 *năm* 2012

Xác nhận BM/Khoa

PGS.TS Phạm Huy Hoàng

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CB Chấm: Nguyễn Văn Thoại

*(Ký và ghi rõ họ tên)*